

Số: 15/2021/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 16 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về chính sách hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người thuộc hộ nghèo; người dân tộc thiểu số vùng khó khăn; phụ nữ thuộc hộ nghèo sinh con tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc khám, chữa bệnh cho người nghèo;

Căn cứ Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về khám, chữa bệnh cho người nghèo;

Xét Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người thuộc hộ nghèo; người dân tộc thiểu số vùng khó khăn và phụ nữ nghèo sinh con tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 144/BC-BDT ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người thuộc hộ nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống ở các xã, phường, thị trấn

khu vực III, khu vực II và các thôn, bản, tổ dân phố đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo các quy định hiện hành; phụ nữ thuộc hộ nghèo sinh con tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người thuộc hộ nghèo.
2. Người dân tộc thiểu số đang sinh sống ở các xã, phường, thị trấn khu vực III, khu vực II và các thôn, bản, tổ dân phố đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo các quy định hiện hành.
3. Phụ nữ thuộc hộ nghèo sinh con tại các cơ sở y tế công lập (bao gồm cả trạm y tế xã, phường, thị trấn).
4. Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số vùng khó khăn và phụ nữ thuộc hộ nghèo sinh con tại các cơ sở y tế công lập.

Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ tiền ăn:
 - a) Hỗ trợ 3% (ba phần trăm) mức lương cơ sở/người bệnh/ngày điều trị nội trú đối với đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này khi điều trị nội trú tại các cơ sở y tế công lập (từ Phòng khám đa khoa khu vực trở lên);
 - b) Hỗ trợ 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng/người/lần sinh cho đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này. Trường hợp phải nằm điều trị thì từ ngày thứ 3 trở đi được hỗ trợ 3% (ba phần trăm) mức lương cơ sở/người bệnh/ngày điều trị nội trú.
2. Hỗ trợ tiền đi lại cho các đối tượng thuộc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này khi điều trị nội trú tại các cơ sở y tế của Nhà nước từ tuyến huyện trở lên, các trường hợp cấp cứu, tử vong hoặc bệnh quá nặng và người nhà có nguyện vọng đưa về nhà nhưng không được bảo hiểm y tế hỗ trợ:
 - a) Trường hợp sử dụng phương tiện vận chuyển của cơ sở y tế công lập thì cơ sở y tế công lập được thanh toán chi phí vận chuyển người bệnh cho cả hai chiều. Định mức hỗ trợ bằng 0,2 lít xăng/km theo khoảng cách vận chuyển và các chi phí cầu, phà, phí đường bộ khác (nếu có); nếu có nhiều hơn một người bệnh cùng được vận chuyển trên một phương tiện thì mức thanh toán chỉ được tính như đối với vận chuyển một người bệnh;
 - b) Trường hợp không sử dụng phương tiện vận chuyển của cơ sở y tế công lập thì được thanh toán chi phí vận chuyển một chiều (đi hoặc về) bằng tiền theo định mức quy đổi 01 km bằng 0,2 lít xăng nhân với khoảng cách vận chuyển. Khoảng cách được hỗ trợ tính từ Trung tâm thôn, bản, tổ dân phố nơi bệnh nhân cư trú đến cơ sở khám chữa bệnh công lập hoặc ngược lại;
 - c) Giá xăng để thanh toán là giá xăng tại thời điểm sử dụng.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Ngân sách địa phương theo phân cấp.

Điều 5. Quy định chuyên tiếp

Người bệnh vào viện điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực và ra viện hoặc kết thúc đợt điều trị sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực được áp dụng mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

Điều 6. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ dinh dưỡng cho người nghèo tỉnh Lào Cai mắc bệnh phải điều trị nội trú và phụ nữ nghèo sinh con tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập; Nghị quyết số 46/2014/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi và bãi bỏ một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2011 về chính sách hỗ trợ dinh dưỡng cho người nghèo tỉnh Lào Cai mắc bệnh phải điều trị nội trú và phụ nữ nghèo sinh con tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khóa XVI, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2021. /.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Y tế, Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QLPP- Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực VII;
- TT TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng: TU, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND tỉnh;
- Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Các chuyên viên;
- Lưu: VT, BDT.

CHỦ TỊCH



Vũ Xuân Cường